TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:40/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 7 năm 2018
"V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Quỳnh – Ông Nguyễn Văn Dũng.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2018/TLST-HNGĐ ngày 6 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D – sinh ngày 27/12/1994
Địa chỉ: xóm Y, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An
Nghề nghiệp: Làm ruộng (Có mặt)
- Bị đơn: Anh Cao Đình Q - sinh ngày 23/5/1992.
Địa chỉ: xóm Y, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An
Nghề nghiệp: Làm ruộng (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dụng đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn và trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Cao Đình Q cưới nhau vào tháng 9/2013. Quá trình tiến tới hôn nhân anh chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu, tự nguyện đến với nhau, sau đó tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán được sự đồng ý của hai gia đình, chứng kiến của xóm làng và bạn bè. Trước khi cưới anh, chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 89 ngày 20/9/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa tháng 6 năm 2017 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống vợ chồng khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân nên có những xử sự, lời nói thiếu tôn trọng nhau. Mâu thuẫn xẩy ra thường xuyên gây mất tình cảm vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, quý trọng nhau như trước nữa. Sau khi phát sinh mâu thuẫn thì vợ chồng đã tự hòa giải và gia đình tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện, ngược lại mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn đã làm cho không khí trong cuộc sống chung của vợ chồng lúc nào cũng nặng nề gây khó chịu cho nhau. Nên vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt các quan hệ từ cuối năm 2017 đến nay không còn liên lạc quan tâm tới nhau nữa. Quá trình viết bản tự khai và tại phiên tòa chị D, anh Q xác định vợ chồng đã mất hết tình cảm tình thương, tình yêu đối với nhau, hôn nhân đã thực sự tan rã, không thể hàn gắn, chị D anh Q đề nghị Tòa án xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa hai người.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Cao Đình T, giới tính : nam - sinh ngày 23/02/2014 và cháu Cao Thị Bảo N, giới tính: nữ - sinh ngày 02/11/2016. Quá trình vợ chồng sống ly thân chị D thấy con thứ hai còn quá nhỏ, chị xin được đưa cháu nhỏ về nuôi dưỡng nhưng anh Q và bên nội không đồng ý, cố tình giữ con lại và gây khó dễ cho việc đi lại thăm nom chăm sóc con chung cho chị D. Nếu ly hôn chị D đề nghị Tòa giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Cao Thị Bảo N, giới tính: nữ - sinh ngày 02/11/2016 còn cháu Cao Đình T, giới tính: nam - sinh ngày 23/02/2014 giao cho anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Q không nhất trí anh đề nghị giao hai con chung cho anh được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị D và anh Cao Đình Q không yêu cầu tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Cao Đình Q đảm bảo đúng qui định của pháp luật, việc dẫn tới hôn nhân giữa chị D, anh Q là hoàn tự nguyện. Trước khi cưới anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:89/2013 ngày 20/9/2013. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Cao Đình Q là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D, anh Q đã xẩy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không thông cảm cho nhau trong quan hệ hôn nhân, dẫn đến cự cải va chạm với nhau qua lời nói, hành động, vợ chồng xử sự thiếu tôn trọng nhau. Sau khi các bên sống ly thân, thì vợ chồng đều không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt

các quan hệ vợ chồng, không thương yêu quan tâm đến nhau nữa. Qua đó cho thấy tình cảm giữa chị D và anh Q không còn nữa, hôn nhân đã thực sự đổ vỡ, tan rã không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên. Chị Nguyễn Thị D, anh Cao Đình Q yêu cầu xử công nhận viêc thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa hai người là có căn cứ, cần xử công nhận viêc thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Cao Đình Q.

- Về quan hệ con chung: Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị D, anh Q là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, thể hiện người bố, người mẹ có trách nhiệm cao. Xét về điều kiện nuôi con của chị D, anh Q thì vợ chồng có nghề nghiệp chính là làm ruộng, ngoài ra chị D làm công nhân, anh Q làm công việc tự do để tăng thêm thu nhập. Thu nhập của hai người không ổn định, nếu giao hai con chung cho vợ hoặc chồng trực tiếp nuôi dưỡng thì sẽ khó khăn cho vợ chồng về nguồn tài chính, ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng và việc nuôi dạy con ăn học. Hiện nay cháu Cao Thị Bảo N chưa đủ 3 năm tuổi, do đó cần áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân gia đình cần giao cháu Cao Thị Bảo N, giới tính: nữ - sinh ngày 02/11/2016 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Cao Đình T, giới tính: nam - sinh ngày 23/02/2014 cho anh Q nuôi là phù hợp. Do mỗi bên nuôi mỗi cháu, nên các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hiện nay cháu Cao Thị Bảo N,(Giới tính: nữ) sinh ngày 02/11/2016 đang sinh sống trực tiếp với anh Cao Đình Q, anh Q không tự nguyện giao con cho chị D nuôi. Do vậy cần buộc anh Cao Đình Q phải có nghĩa vụ giao cháu N cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị D và anh Cao Đình Q không yêu cầu tòa giải quyết nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ và Điều 55, 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

* Về quan hệ tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Cao Đình Q.

* Về quan hệ con chung: Giao cháu Cao Thị Bảo N, giới tính: nữ - sinh ngày 02/11/2016 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành.

Giao cháu Cao Đình T(Giới tính: nam), sinh ngày 23/02/2014 cho anh Cao Đình Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành.

Các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Nguyễn Thị D và anh Cao Đình Q có quyền và nghĩa vụ đi thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Buộc anh Cao Đình Q phải có nghĩa vụ giao cháu Cao Thị Bảo N, giới tính: nữ - sinh ngày 02/11/2016 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

* Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Buộc chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Ly hôn chị đã nộp theo biên lai số: 0003155 ngày 06/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thị hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA